

Báo cáo cập nhật triển vọng ngành Ngân hàng 2026

THÁCH THỨC NGẮN HẠN – KHẢ QUAN DÀI HẠN



Mở tài khoản

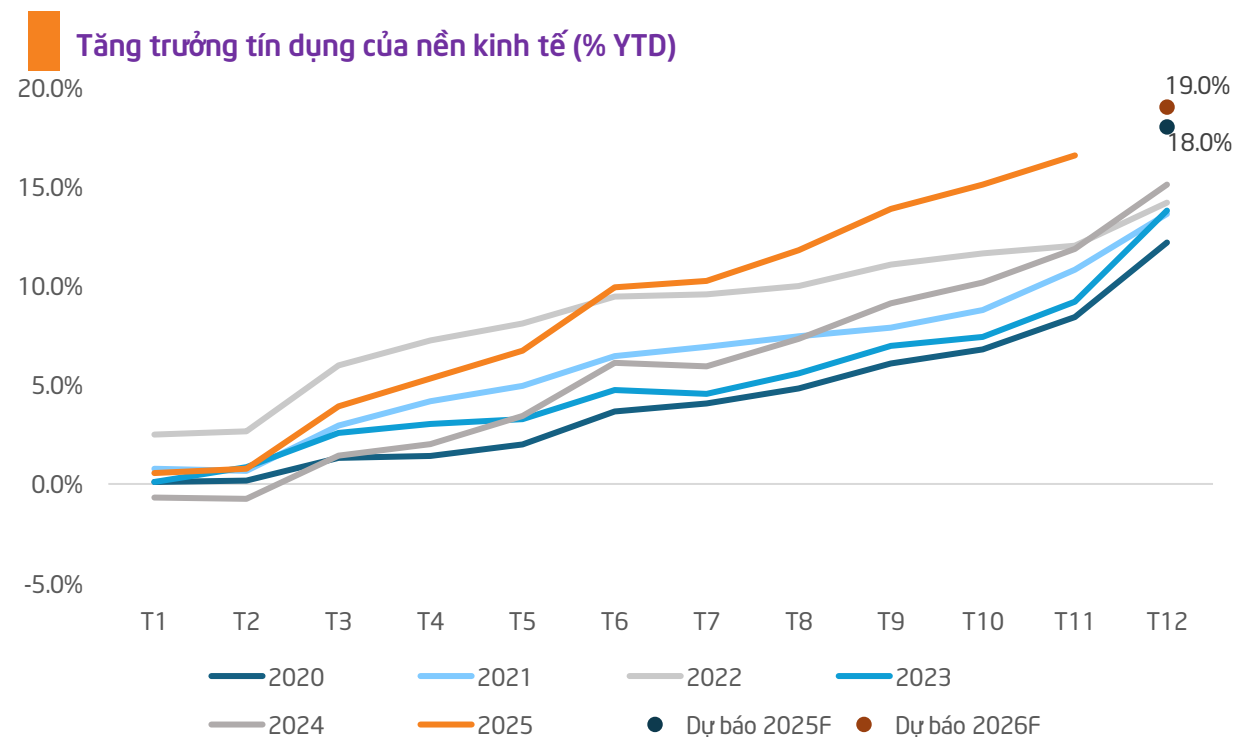
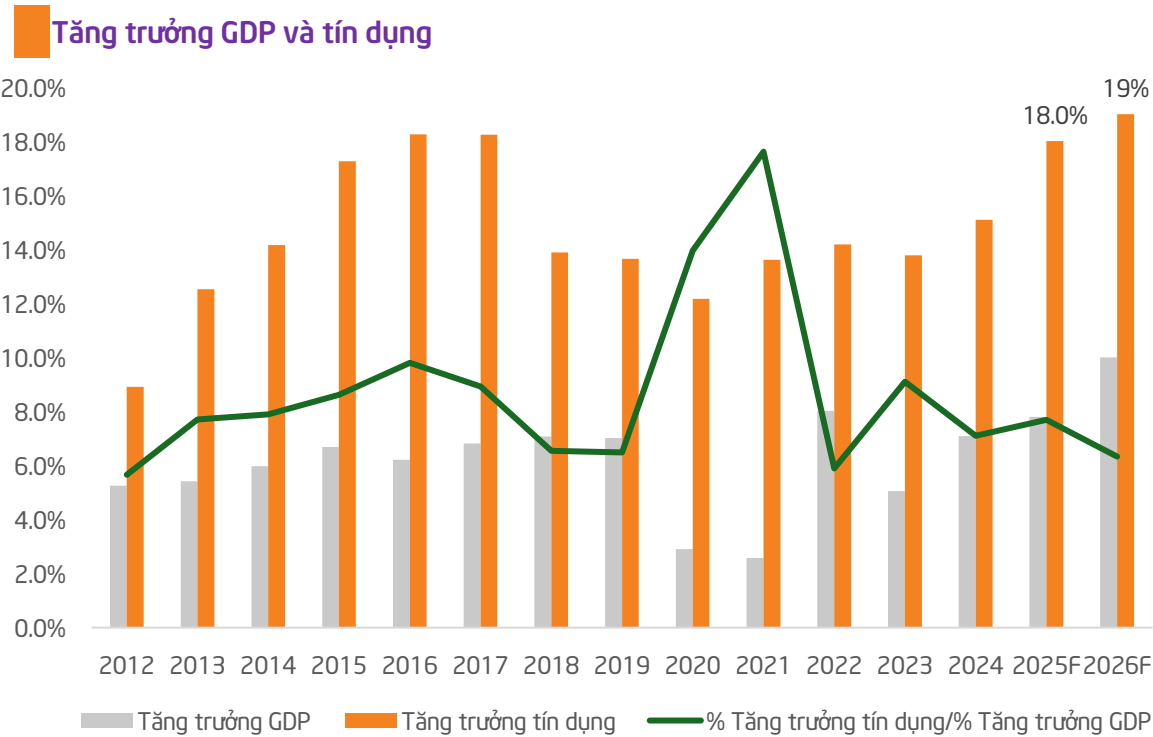
Tải ứng dụng



Tăng trưởng tín dụng tiếp tục mở rộng theo nền kinh tế

Tăng trưởng tín dụng vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng chung của nền kinh tế Việt Nam. Năm 2025, tăng trưởng GDP ước tính đạt trên 8% và tăng trưởng tín dụng toàn ngành, tính đến cuối tháng 11/2025, đạt 16.6% ytd, bám sát mục tiêu đầu năm (18-20%), tuy nhiên, do ảnh hưởng của bão lũ chúng tôi thận trọng ước tính tăng trưởng tín dụng cả năm 2025F sẽ đạt khoảng 18%.

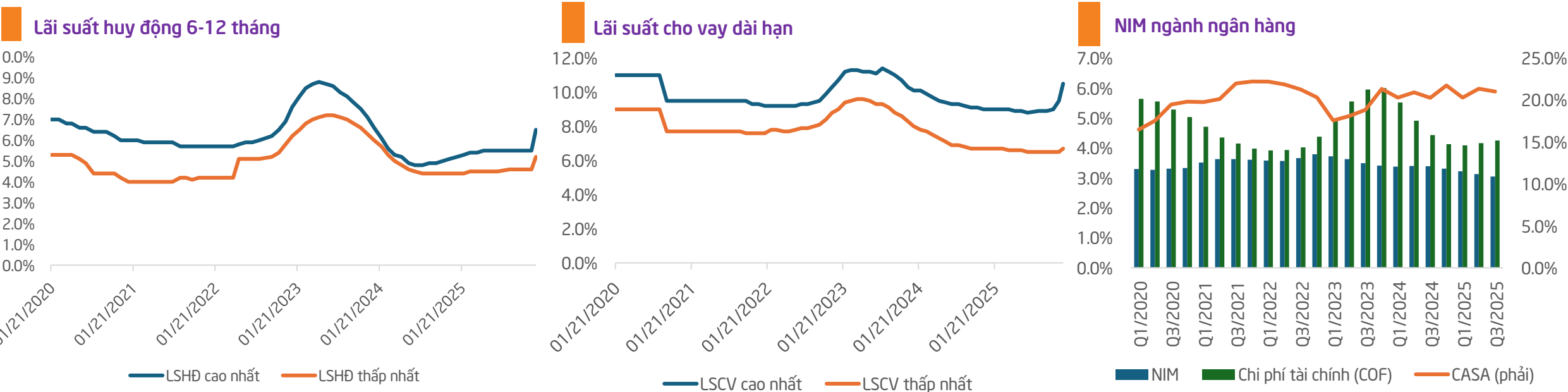
Cho năm 2026, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội 2026 vào tháng 11 với mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 được Quốc hội giao từ 10% trở lên, GDP bình quân đầu người 5.400-5.500 USD. Với hệ số Tăng trưởng tín dụng/Tăng trưởng GDP, trung bình khoảng 2.0 lần, **chúng tôi kỳ vọng mức tăng trưởng tín dụng hợp lý cho 2026F là 19%** với phía cầu là các ngành làm động lực tăng trưởng kinh tế như bất động sản hồi phục khi Chính phủ đẩy mạnh giải quyết pháp lý, đẩy mạnh đầu tư công, xuất khẩu hồi phục sau thuế quan, công nghệ (AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, IoT,... là động lực tăng trưởng kinh tế mới).



Lãi suất huy động tăng trong ngắn hạn nhưng NIM vẫn chịu áp lực

Mặt bằng lãi suất được giữ ở mức thấp cho phần lớn năm 2025 mặc dù lãi suất huy động có dấu hiệu tăng trở lại trong giai đoạn cuối năm, điều này có nhiều lý do như: 1) yếu tố mùa vụ khi nhu cầu tín dụng gia tăng vào cuối năm; 2) tăng trưởng huy động chậm hơn tăng trưởng tín dụng; 3) áp lực tỷ giá vẫn tạo thách thức cho NHNN xuyên suốt trong 2025. Tuy nhiên, chúng tôi quan sát thấy lãi suất huy động tăng chủ yếu ở các ngân hàng tư nhân quy mô nhỏ, các ngân hàng tầm trung và lớn có mức tăng nhẹ khoảng 1% trở lại. **Về triển vọng 2026, chúng tôi kỳ vọng đà tăng lãi suất huy động sẽ sớm hạ nhiệt** nhờ 1) tỷ giá giảm áp lực khi Fed tiếp tục hạ lãi suất và xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng; 2) hệ số LDR toàn ngành cuối Q3/2025 mặc dù ở mức cao 83.0% nhưng vẫn thấp hơn Q1/2024 (83.2%) và Q2/2024 (83.5%), do đó, áp lực tăng huy động sẽ chỉ ở một số ngân hàng nhất định; 3) quan điểm Chính phủ vẫn là hỗ trợ nền kinh tế tăng trưởng 2 con số mặc dù cần kiểm soát tại một số thời điểm; 4) CPI tiếp tục dưới mức 3.5%, cách xa mức trần 4.5%.

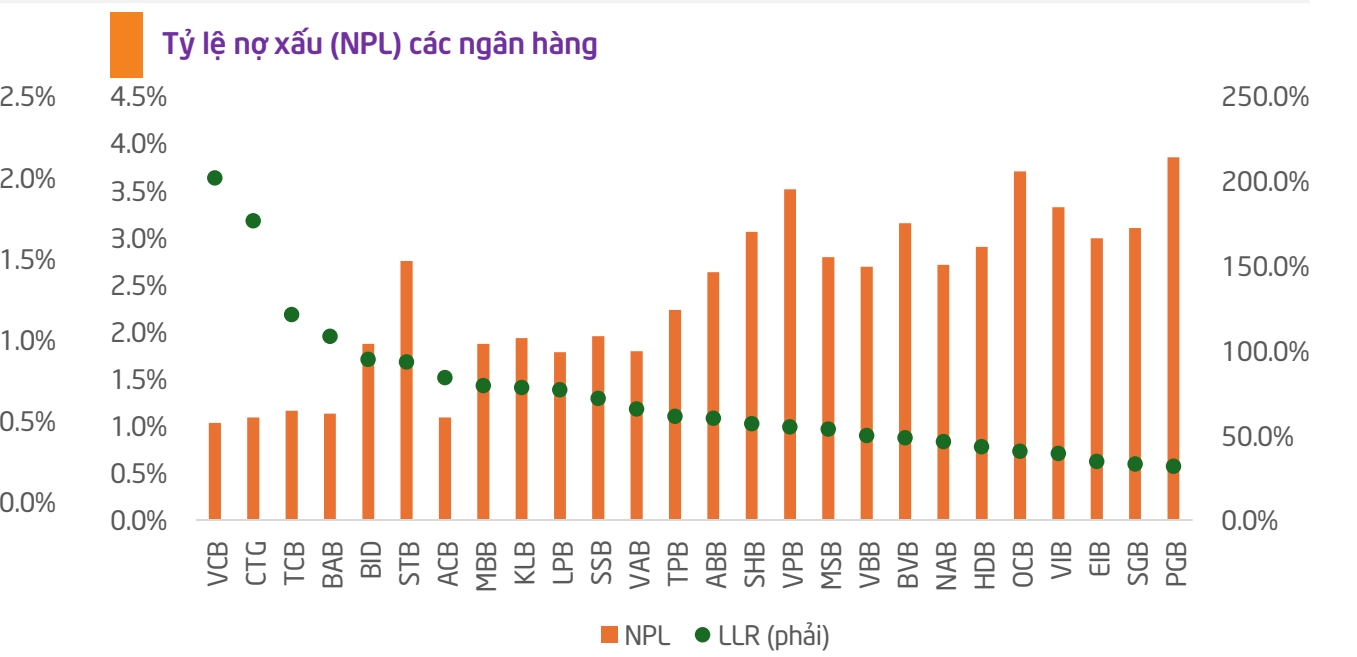
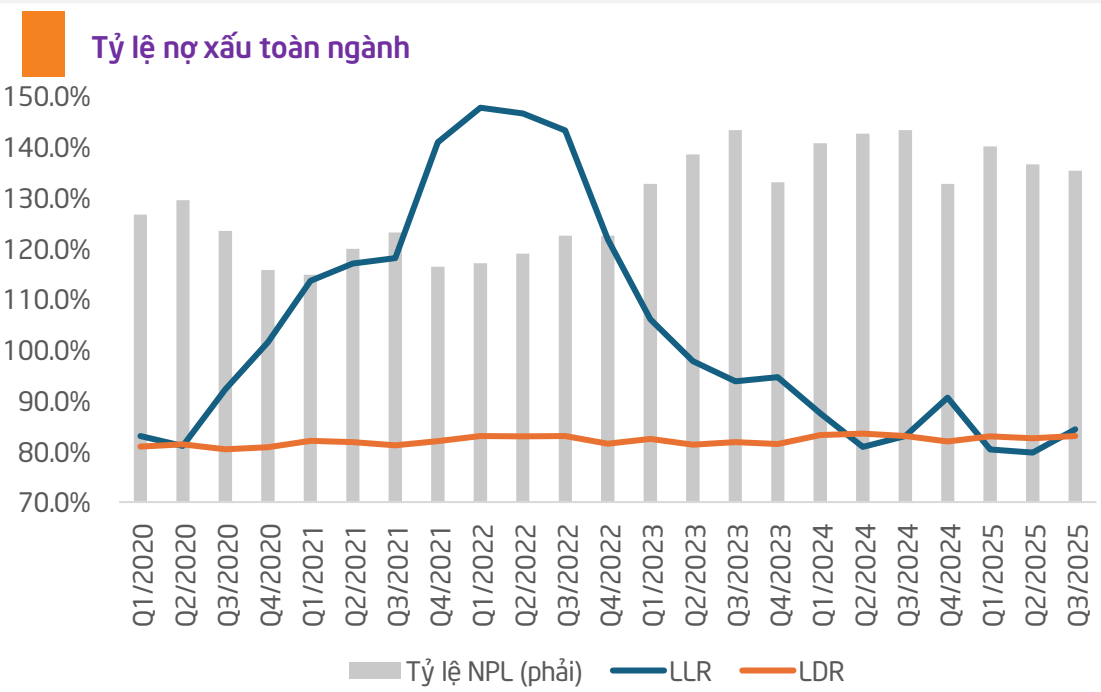
Mặc dù vậy, NIM toàn ngành Q3/2025 tiếp tục xu hướng giảm sau khi đạt đỉnh Q4/2022 (3.8%) xuống 3.1% và **chúng tôi cho rằng NIM ngành ngân hàng sẽ tiếp tục chịu áp lực khó cải thiện trong 2026, có thể giảm nhẹ hoặc đi ngang** do 1) lãi suất cho vay tăng chậm hơn huy động để hỗ trợ nền kinh tế và do áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng gia tăng; 2) tăng trưởng tín dụng mới sẽ đưa nhiều vào các dự án công hoặc các dự án lớn, có lãi suất cho vay thấp hơn mảng bán lẻ; 3) tăng trưởng huy động thấp khiến các ngân hàng khó tăng hệ số CASA để cải thiện chi phí tài chính (CoF).



Chất lượng tài sản chưa cải thiện nhưng vẫn có những ngân hàng tích cực hơn

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) toàn ngành cuối Q3/2025 ở mức 2.0%, giảm so với quý trước (2.1%) nhưng đi ngang so với đầu năm, chúng tôi ước tính tỷ lệ NPL cuối năm 2025 có thể đi ngang so với quý 3 nhờ tín dụng tăng trưởng thêm trong quý 4 nhưng nợ xấu có thể nhích nhẹ đi lên do ảnh hưởng của lũ lụt cũng như nhiều vướng mắc ở hoạt động kinh doanh hộ gia đình vừa qua. Chúng tôi cũng lưu ý tỷ lệ NPL toàn ngành ngân hàng đã tăng lên mốc 2.0% kể từ Q1/2023 và đến nay vẫn chưa thể xuống dưới mức 2.0% **nên góc nhìn của chúng tôi là tỷ lệ nợ xấu chỉ duy trì tốt chứ chưa cải thiện**. Chúng tôi cũng lưu ý chất lượng tài sản cải thiện phân hóa ở các ngân hàng với các ngân hàng có sự tốt lên như ACB, VIB, VPB, CTG, BID, VCB trong khi STB, OCB, MBB và HDB ghi nhận chất lượng tài sản suy giảm.

Bên cạnh đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) sau khi tạo đáy ở Q2/2025 (79.8%) thì đã có sự cải thiện lên 84.3% cuối Q3, tuy nhiên LLR dưới 100% cho thấy bộ đệm vốn toàn ngành chưa quá tích cực, theo đó chúng tôi đánh giá các ngân hàng sẽ chịu nhiều áp lực về chi phí dự phòng trong 2026F. Chúng tôi nhận thấy chỉ có 4 ngân hàng ước tính có tỷ lệ bao phủ nợ xấu trên 100% như VCB, CTG, TCB, BAB các ngân hàng này theo đó sẽ có nhiều dư địa để giảm chi phí tín dụng hơn, trong đó, CTG và TCB đã áp dụng chiến lược tăng mạnh dự phòng trong 2025F trong khi VCB mặc dù LLR cao nhưng cũng đã giảm so với đầu năm.



Tình hình tài chính của các ngân hàng cuối Q3/2025

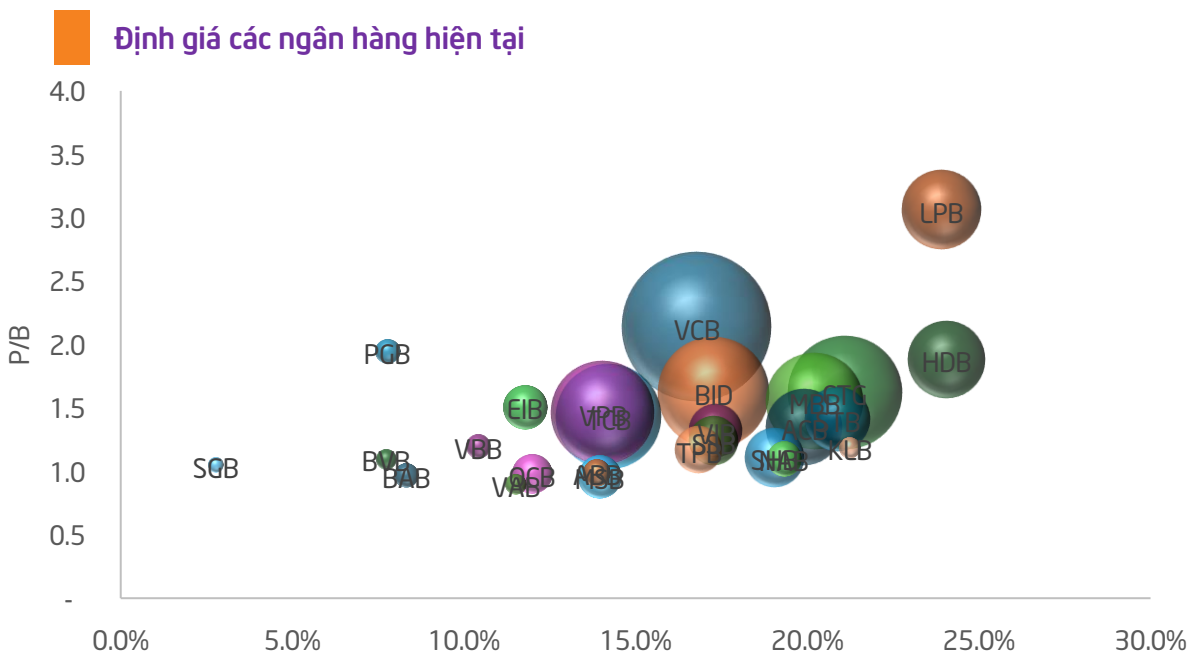
STT	Mã	Sàn	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float	P/E	P/B	Tăng trưởng cho vay 9T2025 (ytd)	Tăng trưởng tiền gửi 9T2025 (ytd)	LDR Q3/2025 (%)	Dư nợ cho vay/ TTS Q3/2025	VCSH/TTS Q3/2025	NPL (%) Q3/2025	LLR (%) Q3/2025	CASA Q3/2025	NIM (TTM)	ROA (TTM)	ROE (TTM)
1	VCB	HOSE	475,438	11%	13.5	2.1	12.5%	6.4%	82.8%	67.1%	9.4%	1.0%	201.9%	33.3%	2.6%	1.6%	16.8%
2	BID	HOSE	262,599	4%	9.9	1.6	8.9%	6.9%	85.0%	71.5%	5.5%	1.9%	94.5%	19.9%	2.1%	0.9%	17.3%
3	CTG	HOSE	273,870	15%	8.2	1.6	15.8%	10.5%	84.9%	70.7%	6.2%	1.1%	176.5%	24.4%	2.6%	1.3%	21.1%
4	TCB	HOSE	233,846	55%	10.6	1.4	21.2%	11.6%	88.1%	66.9%	15.9%	1.2%	119.2%	37.1%	3.7%	2.1%	14.2%
5	VPB	HOSE	224,133	60%	10.9	1.5	29.9%	20.6%	108.4%	74.6%	13.5%	3.5%	55.1%	13.7%	5.4%	2.0%	14.0%
6	MBB	HOSE	196,945	50%	8.1	1.6	20.0%	10.3%	88.0%	69.1%	10.0%	1.9%	79.2%	35.9%	4.0%	2.0%	20.2%
7	ACB	HOSE	123,280	85%	7.1	1.4	15.5%	6.3%	85.9%	69.9%	9.6%	1.1%	84.0%	21.5%	3.0%	1.9%	19.9%
8	LPB	HOSE	132,785	95%	12.8	3.1	16.9%	15.2%	80.4%	71.0%	8.1%	1.8%	76.1%	6.8%	3.1%	2.0%	23.9%
9	HDB	HOSE	123,887	75%	7.9	1.9	10.5%	11.5%	73.3%	61.7%	8.8%	2.9%	43.4%	10.1%	4.8%	2.0%	24.1%
10	STB	HOSE	88,699	95%	7.2	1.4	11.3%	13.1%	80.4%	69.6%	7.4%	2.8%	93.3%	15.5%	3.5%	1.6%	20.9%
11	VIB	HOSE	59,740	60%	7.9	1.3	15.6%	11.4%	86.3%	67.7%	8.3%	3.3%	39.4%	15.3%	3.1%	1.5%	17.3%
12	SSB	HOSE	49,930	55%	7.5	1.2	11.7%	5.5%	77.4%	60.5%	10.6%	2.0%	71.9%	14.8%	2.8%	1.9%	17.3%
13	SHB	HOSE	73,040	70%	6.2	1.1	16.8%	13.0%	80.8%	70.1%	7.7%	3.1%	56.9%	6.6%	3.8%	1.5%	19.1%
14	TPB	HOSE	46,604	55%	7.1	1.2	18.1%	7.2%	78.4%	64.6%	8.9%	2.2%	61.2%	17.7%	3.1%	1.6%	16.8%
15	EIB	HOSE	40,142	80%	13.2	1.5	9.6%	5.2%	84.0%	70.0%	10.4%	3.0%	34.7%	13.9%	2.4%	1.2%	11.8%
16	MSB	HOSE	39,000	70%	7.2	1.0	16.4%	18.6%	75.1%	56.8%	11.4%	2.8%	53.7%	26.5%	3.5%	1.6%	14.0%
17	OCB	HOSE	31,957	30%	8.2	1.0	14.5%	9.0%	73.7%	61.2%	10.4%	3.7%	40.6%	15.6%	3.3%	1.3%	12.0%
18	NAB	HOSE	24,534	80%	6.1	1.1	18.1%	22.3%	60.6%	51.9%	5.9%	2.7%	46.4%	5.3%	2.9%	1.3%	19.3%
19	NVB	HNX	26,367	50%	- 3.7	3.9	33.8%	24.1%	65.8%	60.8%	4.4%	9.1%	15.2%	8.4%	-0.5%	-3.2%	-68.9%
20	BAB	HNX	12,340	75%	11.7	1.0	14.4%	6.4%	71.7%	64.5%	6.7%	1.1%	108.4%	2.8%	1.9%	0.6%	8.3%
21	ABB	UPCoM	15,748	60%	7.6	1.0	9.1%	30.9%	58.4%	51.8%	7.7%	2.6%	60.1%	8.9%	2.5%	1.1%	13.9%
22	BVB	UPCoM	8,092	90%	14.4	1.1	13.0%	3.3%	71.1%	61.9%	6.0%	3.2%	48.5%	6.7%	2.4%	0.5%	7.7%
23	PGB	UPCoM	12,410	70%	16.3	2.0	7.3%	2.4%	61.6%	54.9%	8.0%	3.9%	31.9%	13.5%	2.4%	0.6%	7.8%
24	VBB	UPCoM	11,220	90%	9.3	1.2	12.2%	6.3%	62.6%	55.2%	5.0%	2.7%	50.0%	4.3%	1.7%	0.5%	10.4%
25	VAB	UPCoM	8,694	90%	8.1	0.9	8.4%	8.5%	73.9%	63.8%	7.2%	1.8%	65.5%	6.4%	2.2%	0.8%	11.5%
26	SGB	UPCoM	4,485	35%	38.6	1.1	-6.1%	6.3%	68.5%	58.2%	12.3%	3.1%	33.0%	7.2%	2.2%	0.3%	2.8%
27	KLB	UPCoM	9,217	95%	6.1	1.2	15.6%	11.6%	81.1%	71.5%	7.9%	1.9%	78.2%	6.0%	4.0%	1.6%	21.2%

Định giá nhóm ngân hàng không đắt trong dài hạn nhưng chưa rẻ ngắn hạn

Cổ phiếu nhóm ngân hàng diễn biến khá tích cực trong 9 tháng đầu năm nhờ kỳ vọng ngành ngân hàng sẽ hưởng lợi khi nền kinh tế mở rộng và cổ phiếu ngân hàng cũng thuộc nhóm ưa thích hàng đầu của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, nhóm ngân hàng đang chịu sự điều chỉnh trong 2-3 tháng qua, theo đó, mức định giá P/B trung bình ngành hiện đang ở mức 1.6x (ngày 16/12/2025), tương đương mức TB 5 năm -0.6 độ lệch chuẩn (SD).

Theo đó, chúng tôi cho rằng định giá ngành nói chung đã về mức không đắt và có nhiều tiềm năng để được tái định giá lên mức TB 5 năm (1.75x lần) nhờ các triển vọng về 1) nền kinh tế tăng trưởng 2 con số sẽ giúp tăng trưởng tín dụng cao và các chính sách mới về xử lý nợ xấu giúp NPL giảm để hoàn nhập dự phòng; 2) năm 2026, khi FTSE công bố thông tin chính thức về lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam thì nhóm cổ phiếu ngân hàng sẽ thuộc nhóm hưởng lợi đầu tiên.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý những áp lực trong ngắn hạn như lãi suất huy động gia tăng tiếp tục khiến NIM suy giảm và áp lực gia tăng chi phí dự phòng để cải thiện chất lượng tài sản trong 2026 là những yếu tố nặng lên giá cổ phiếu trong ngắn hạn. Do đó, trong ngắn hạn, chúng tôi vẫn bỏ ngỏ kịch bản định giá P/B ngành có thể giảm xuống mức TB 5 năm -1SD, cũng là vùng đáy của 5 năm qua (khoảng 1.44x lần, tức giảm thêm 9% so với hiện tại).



Rủi ro ngắn hạn và Triển vọng dài hạn

Rủi ro ngắn hạn

- Lãi suất huy động tiếp tục tăng tạo áp lực lên NIM trong ngắn hạn do lãi suất cho vay sẽ tăng chậm hơn (VPB, TCB, MBB, ACB, SSB, BAB)
- Tỷ lệ nợ xấu vẫn tăng ở 1 số ngân hàng, chưa cải thiện đều ở phần lớn
- Bộ đệm vốn thấp sẽ khiến các ngân hàng phải tăng chi phí dự phòng trong 2026 (PGB, SGB, EIB, VIB, OCB, HDB, NAB)
- Định giá TB ngành vẫn còn dư địa giảm thêm -9% trong ngắn hạn (về mức TB 5 năm)

Triển vọng dài hạn

- Hưởng lợi khi nền kinh tế mở rộng: tăng trưởng tín dụng và nợ xấu cải thiện
- Ngành BĐS hồi phục là yếu tố mạnh giúp các ngân hàng xử lý nợ xấu
- Hưởng lợi từ sóng nâng hạng và tái định giá về mức TB 5 năm (P/B ngành có thể tăng +11% lên mức 1.75x lần)



Bên cạnh triển vọng tích cực trong dài hạn, nhóm ngân hàng hiện đang chịu tác động của nhiều yếu tố gây áp lực trong ngắn hạn. Do đó, tại thời điểm này, chúng tôi **chưa đưa ra quan điểm khuyến nghị đầu tư mới** đối với các cổ phiếu ngân hàng. Chúng tôi cập nhật nhận định **và theo dõi** đối với một số cổ phiếu ngân hàng đã được chúng tôi khuyến nghị trước đó. **Đối với nhóm ngân hàng Big 4 (VCB, BID, CTG, Agribank)**, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng sẽ được hưởng lợi từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8%-10% của Chính phủ, nhờ lợi thế về thị phần cao, chất lượng tài sản tốt đầu ngành, lợi thế về chi phí vốn thấp và có nhiều lợi thế khác trong việc cho vay các dự án công và dự án lớn ở khu vực tư nhân.

	Cổ phiếu	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E	P/B	Giá KN	Giá hiện tại	GMT		LNST 2026F (tỷ đồng)	ROE 2026F	Nhận định đầu tư
1	CTG	267,570	8.0	1.6	24,689	35,150	39,799	+42.4%	35,720	18.9%	- Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng các ngân hàng nhóm Big 4 (VCB, BID, CTG, Agribank) sẽ hưởng lợi từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8%-10% của Chính phủ, nhờ lợi thế về thị phần cao, chất lượng tài sản tốt, chi phí vốn thấp và có nhiều lợi thế cho vay các dự án công và dự án lớn ở khu vực tư nhân. Trong đó, CTG có chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện 3 năm qua trong khi định giá P/B đang rẻ nhất so với VCB và BID. - Hiện CTG đang được giao dịch tại mức P/B dự phóng 2026F là 0.9x, thấp hơn TB ngành (1.6x lần) theo chúng tôi là chưa phản ánh hợp lý vị thế và triển vọng của CTG. - Rủi ro: Lãi suất tiếp tục tăng, cạnh tranh gia tăng khiến NIM giảm, rủi ro nợ xấu.
2	BID	264,710	10.0	1.7	34,250	38,400	43,450	+12.1%	28,100	15.6%	- Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng các ngân hàng nhóm Big 4 (VCB, BID, CTG, Agribank) sẽ hưởng lợi từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8%-10% của Chính phủ, nhờ lợi thế về thị phần cao, chất lượng tài sản tốt, chi phí vốn thấp và có nhiều lợi thế cho vay các dự án công và dự án lớn ở khu vực tư nhân. Trong đó, BID có chất lượng tài sản khá tốt: LLR đạt 94.5%, tỷ lệ NPL chỉ 1.9%, ngoài ra BID có lợi thế về huy động tiền gửi cư dân nên sẽ ít chịu ảnh hưởng khi lãi suất tăng. - Hiện BID đang được giao dịch tại mức P/B dự phóng 2026F là 1.4x, thấp hơn TB ngành (1.6x), chúng tôi cho rằng định giá hiện tại chưa phản ánh đủ vị thế BID so với các ngân hàng nói chung. - Rủi ro: Lãi suất tiếp tục tăng, cạnh tranh gia tăng khiến NIM giảm, rủi ro nợ xấu.
3	VCB	480,450	13.7	2.2	55,650	57,800	73,650	+3.9%	40,520	15.7%	- Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng các ngân hàng nhóm Big 4 (VCB, BID, CTG, Agribank) sẽ hưởng lợi từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8%-10% của Chính phủ, nhờ lợi thế về thị phần cao, chất lượng tài sản tốt, chi phí vốn thấp và có nhiều lợi thế cho vay các dự án công và dự án lớn ở khu vực tư nhân. Trong đó, VCB có chất lượng tài sản tốt đầu ngành và sở hữu tệp khách hàng chất lượng cao nên khả năng chịu đựng các rủi ro vĩ mô cũng cao nhất. - Hiện VCB đang được giao dịch tại mức P/B dự phóng 2026F là 1.8x, thấp hơn nhiều so với TB 5 năm của chính VCB (2.8x), theo đó, phù hợp cho NGĐT dài hạn. - Rủi ro: Lãi suất tiếp tục tăng, cạnh tranh gia tăng khiến NIM giảm, rủi ro nợ xấu.

Đối với các ngân hàng ngoài Big 4, chúng tôi ưa thích VPB, MBB, HDB do nhận tái cấu trúc ngân hàng yếu kém khác nên sẽ được ưu tiên tăng trưởng tín dụng so với trung bình ngành. Nhà đầu tư có thể xem xét gia tăng tỷ trọng ở những cổ phiếu đang có giá thị trường tốt hơn giá khuyến nghị như VPB, MBB:

	Cổ phiếu	Vốn hóa (nghìn tỷ)	P/E	P/B	Giá KN	Giá hiện tại	GMT		LNST 2026F (tỷ đồng)	ROE 2026F	Nhận định đầu tư
4	VPB	225,720	10.9	1.5	32,100	29,000	36,870	-9.7%	30,350	17.2%	- Chúng tôi kỳ vọng VPB sẽ hưởng lợi mạnh mẽ từ sự tăng trưởng của nền kinh tế và sự hồi phục của thị trường BĐS. Nguồn vốn dồi dào và hệ sinh thái hoàn thiện tài chính tiêu dùng - ngân hàng - chứng khoán - bảo hiểm tạo lợi thế cạnh tranh cho VPB so với các ngân hàng khác. VPB sẽ hưởng lợi mạnh mẽ ở mảng tài chính tiêu dùng (FeCredit) và chứng khoán (VPBankS). - Ban lãnh đạo đặt KH tham vọng 5 năm tới với tốc độ tăng trưởng TB 35% - VPB hiện đang giao dịch tại mức P/B dự phóng 2026F là 1.2x lần, thấp hơn TB ngành (1.6x lần). Ngoài ra, chu kỳ tăng trưởng quay trở lại khiến chúng tôi nhận thấy định giá VPB hiện tại vẫn hấp dẫn so với TB của chu kỳ trước (1.85x lần). - Rủi ro: Lãi suất tiếp tục tăng, cạnh tranh gia tăng khiến NIM giảm, rủi ro nợ xấu cao.
5	MBB	198,960	8.2	1.6	27,350	25,250	32,280	-7.7%	31,800	21.3%	- MBB là một trong số các ngân hàng có chất lượng tài sản tốt nhất mặc dù có sự suy giảm gần đây. Cuối Q3/2025, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 79.2% và tỷ lệ NPL đạt 1.9%. Tỷ lệ CASA tiếp tục cao thứ 2 (35.9%) toàn ngành mang lại lợi thế về chi phí vốn. - Chúng tôi kỳ vọng MBB sẽ tiếp tục có mức tăng trưởng tín dụng 2026 cao hơn TB ngành nhờ hiệu quả cho vay và chất lượng tài sản cao. Công ty con tài chính tiêu dùng Mccredit sẽ hưởng lợi mạnh mẽ trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng mạnh. - MBB hiện đang giao dịch tại mức P/B dự phóng 2026F là 1.2x lần, thấp hơn TB ngành (1.6x lần) trong khi ROE của MBB là hơn 21%, vượt trội so với TB ngành (16.9%) - Rủi ro: Lãi suất tiếp tục tăng, cạnh tranh gia tăng khiến NIM giảm, rủi ro nợ xấu, chất lượng tài sản có thể tiếp tục suy giảm các quý tới.
6	HDB	129,890	9.0	2.0	24,402	27,000	28,296	10.6%	19,920	26.0%	- Chúng tôi kỳ vọng HDB sẽ có mức tăng trưởng tín dụng mạnh trong 2026 do HDB đang trong quá trình tái cơ cấu Ngân hàng Vikki Bank và chuyển nhượng một phần công việc cho vay sang cho Vikki. Trong khi đó, tỷ lệ LDR vẫn khá thấp (73.5%) cho phép HDB ít chịu áp lực tăng lãi suất đầu vào. - Tỷ lệ nợ xấu cuối Q3/2025 là 2.9%, tăng nhẹ so với Q2/2025 (2.54%). - HDB hiện đang giao dịch tại mức P/B dự phóng 2026F là 1.1x lần, thấp hơn TB ngành (1.6x lần), trong khi ROE dự phóng của HDB là 26%, vượt trội so với TB ngành (16.9%). - Rủi ro: Lãi suất tiếp tục tăng, cạnh tranh gia tăng khiến NIM giảm, rủi ro nợ xấu cao, việc duy trì ROE cao vượt trội là một thách thức khá lớn.

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (TPS)

 028 7301 3839

 tt.pt@tpbs.com.vn

 <https://www.tpbs.com.vn/>